

Bản án số: 75/2019/HNGĐ- ST
Ngày 15-11-2019
V/v Ly hôn giữa anh X1, chị
M1.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Sơn;
2. Bà Nguyễn Thị Vân Khánh.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Trong ngày 15- 11- 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 271/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Thê X1, sinh ngày 19- 03- 1988; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Số nhà xxx, chợ H1, phường D1, quận L1, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt- Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M1, sinh ngày 20- 11- 1991; Nơi cư trú: Thôn T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình; Vắng mặt- Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23- 09- 2019 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là anh X1 trình bày: Anh ở xã T1, huyện T2 quen biết chị M1 ở xã Q1, huyện Q2 cùng tỉnh Thái Bình. Sau một thời gian tìm hiểu, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn; đã được Ủy ban nhân dân xã T 1 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 25- 11- 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh ở thôn T1, xã T2. Tháng 5 năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp; hiện nay vợ chồng không chung sống với nhau, không còn thương yêu nhau, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Do vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh có nguyện vọng ly hôn chị M1. Vợ chồng có 02 con

chung là Phạm Nguyễn Diệu L1, sinh ngày 27- 06- 2012, Phạm Quỳnh A1, sinh ngày 04- 03- 2014. Anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung Diệu L1; đồng ý để chị M1 nuôi dưỡng con chung Quỳnh A1; hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Vợ chồng không có tài sản chung , không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại các bản tự khai ngày 11- 10- 2019, ngày 01- 11- 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị M1 trình bày giống nguyên đơn về việc kết hôn, về việc vợ chồng có 02 con chung; về thời gian mâu thuẫn; về việc vợ chồng không có tài sản chung. Chị xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, do xxx; từ tháng 5- 2019, vợ chồng đã ly thân. Chị đồng ý ly hôn anh X1. Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung Quỳnh A1; đồng ý để anh X1 nuôi dưỡng con chung Diệu L1; hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau . Vợ chồng không có tài sản chung , nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị cũng không có yêu cầu khác. Chị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại đơn đề nghị ngày 12- 11- 2019, con chung của anh chị là cháu Phạm Nguyễn Diệu L1 có nguyện vọng ở cùng bố.

Tại phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 11- 10- 2019, nguyên đơn , bị đơn thuận tình ly hôn , thỏa thuận nuôi con chung nhưng không thỏa thuận được toàn bộ vụ án nên hòa giải không thành; vụ án phải đưa ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa anh X1 và chị M1 là tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, khi phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có biện pháp hòa giải nên anh X1 đã chuyển đi nơi khác sinh sống. Vợ chồng không còn sống chung với nhau, không thương yêu, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng anh X1- chị M1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Khi hòa giải, anh chị thuận tình ly hôn nên cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh X1 và chị M1.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh X1- chị M1 có 02 con chung. Quá trình hòa giải, anh chị thỏa thuận: Anh X1 trực tiếp nuôi dưỡng con Diệu L1; chị M1 nuôi con Quỳnh A1; hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Con chung Diệu L1 cũng có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy, cần áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thỏa thuận này.

[4]. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều xác định : Vợ chồng không có tài sản chung nên nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là anh X1 phải chịu 300.000,đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Thế X1 và chị Nguyễn Thị M1.

2. Về con chung: -Vợ chồng anh X1- chị M1 có 02 con chung là Phạm Nguyễn Diệu L1, sinh ngày 27- 06- 2012, Phạm Quỳnh A1, sinh ngày 04- 03- 2014.

-Xử công nhận thỏa thuận: Anh X1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Nguyễn Diệu L1; chị M1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Quỳnh A1. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

-Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh X1 phải nộp toàn bộ 300.000,đồng án phí ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000,đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001988 ngày 30- 09- 2019 của Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Anh X1 đã nộp đủ án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình;
- VKDND huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tông